

BẢNG CÔNG BỐ GIÁ MỘT SỐ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 6 NĂM 2025

(Kèm theo văn bản số 01.02/2025/CBGLV-SXD ngày/....../2025 của Sở Xây dựng)

STT	Danh mục vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Giá công bố Tháng 6/2025 (chưa VAT)
	<u>I - NHÓM VẬT LIỆU CÁT:</u>		
	Giá tại Thị xã Sơn Tây và các Huyện: Thường Tín, Đan Phượng, Phúc Thọ, Thạch Thất, Quận Bắc Từ Liêm, Ba Vì, Phú Xuyên, Hoài Đức, Thanh Trì.		
1	Cát xây	m ³	286.000
2	Cát vàng	m ³	605.000
3	Cát đen đổ nền	m ³	230.000
	Giá tại các Huyện: Đông Anh, Gia Lâm, Mê Linh, Sóc Sơn, Mỹ Đức, Quốc Oai, Thanh Oai, Chương Mỹ, Ứng Hòa, Quận Nam Từ Liêm.		
4	Cát xây	m ³	301.000
5	Cát vàng	m ³	637.000
6	Cát đen đổ nền	m ³	249.000
	Giá tại các Quận: Ba Đình, Cầu Giấy, Hai Bà Trưng, Đống Đa, Hoàn Kiếm, Long Biên, Tây Hồ, Thanh Xuân, Hoàng Mai, Hà Đông.		
7	Cát xây	m ³	345.000
8	Cát vàng	m ³	697.000
9	Cát đen đổ nền	m ³	264.000
	<u>II - NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ:</u>		
	Giá tại Huyện Mỹ Đức, Ứng Hòa, Chương Mỹ, Phú Xuyên		
10	Đá 0x0,5	m ³	339.000
11	Đá 1x2	m ³	339.000
12	Đá 2x4	m ³	339.000
13	Đá 4x6	m ³	296.000
14	Đá dăm cấp phối lớp trên	m ³	301.000
15	Đá dăm cấp phối lớp dưới	m ³	296.000
16	Đá hộc	m ³	266.000

STT	Danh mục vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Giá công bố Tháng 6/2025 (chưa VAT)
	Giá tại Thị xã Sơn Tây và các Huyện: Thanh Trì, Sóc Sơn, Đông Anh, Gia lâm, Mê Linh, Thường Tín, Hoài Đức, Quốc Oai, Thanh Oai, Phúc Thọ, Thạch Thất, Ba Vì, Đan Phượng, Quận: Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm		
17	Đá 0x0,5	m ³	358.000
18	Đá 1x2	m ³	358.000
19	Đá 2x4	m ³	358.000
20	Đá 4x6	m ³	313.000
21	Đá dăm cấp phối lớp trên	m ³	317.000
22	Đá dăm cấp phối lớp dưới	m ³	313.000
23	Đá hộc	m ³	281.000
	Giá tại các Quận: Ba Đình, Cầu Giấy, Hai Bà Trưng, Đống Đa, Hoàn Kiếm, Long Biên, Tây Hồ, Thanh Xuân, Hoàng Mai, Hà Đông.		
24	Đá 0x0,5	m ³	377.000
25	Đá 1x2	m ³	377.000
26	Đá 2x4	m ³	377.000
27	Đá 4x6	m ³	329.000
28	Đá dăm cấp phối lớp trên	m ³	334.000
29	Đá dăm cấp phối lớp dưới	m ³	329.000
30	Đá hộc	m ³	296.000